

The
OHIO STATE UNIVERSITY
BULLETIN

College of Engineering
TIME SCHEDULE

SUMMER QUARTER -- 1943

TIME SCHEDULE

ACCOUNTING

Office, 309 Commerce Building

SCHEDULE OF CLASSES

<i>Course No.</i>	<i>Hours</i>	<i>Time</i>	<i>Room</i>	<i>Instructor</i>
405	5	M., Tu., W., Th., F. at 11	Com. 407	
624	5	M., Tu., W., Th., F. at 11	Com. 406	

AERONAUTICAL ENGINEERING

Office, 153 Robinson Laboratory

601	5	To be arranged	R. L.	
-----	---	----------------	-------	--

ARCHITECTURE

Office, 119 Brown Hall

401	3	L., Th. at 1 Lab., Tu., 1 to 4; Th., 2 to 5	Br. 104 Br.	
402	3	L., Tu. at 1 Lab., Tu., 2 to 5; Th., 1 to 4	Br. 104 Br.	
421	5	L., M., W. at 1 Lab., M., W., 2 to 5; F., 1 to 4	Br. 1 Br.	
422	5	M., W., F., 1 to 4; S., 8 to 12	Br.	
544	3	M., W., F. at 10	Br. 1	
545	3	M., W., F. at 9	Br. 104	
605	2	M., W. at 11	Br. 104	
625	5	M., Th., F., 1 to 4; S., 8 to 12	Br.	
640	5	L., M., W., F. at 11 Lab., M., W., F., 9 to 11	Br. 1 Br.	
642	5	L., M., W., F. at 8 Lab., Tu., Th., 1 to 4	Br. 1 Br.	
648	3	M., W., F. at 8	Br. 104	
649	3	M., W., F. at 10	Br. 104	
725	5	M., W., F., 1 to 4; S., 8 to 12	Br.	
728	8	M., W., F., 1 to 4; S., 8 to 12; other hours arranged	Br.	
752	2	M., W. at 4	Br. 104	

BUSINESS ORGANIZATION

Office, 107 Commerce Building

622	3	M., W., Th. at 4	Com. 420	
640	3	M., W., F. at 3	Com. 405	

CERAMIC ENGINEERING

Office, 131 Lord Hall

401	4	M., Tu., W., F. at 8	Lo. 233	
601	5	M., Tu., W., Th., F. at 8	Lo. 211	
603	5	M., Tu., W., Th., F. at 10	Lo. 208	
620	5	L., Tu., Th. at 9 Lab., M., Tu., 1 to 5	Lo. 233 Lo.	
702	5	L., M., Tu. at 11 Lab., M., Tu., 1 to 5	Lo. 208 Lo.	
706	5	L., Th., F. at 11 Lab., Th., F., 1 to 5	Lo. 208 Lo.	
710	3	L., W. at 11 Lab., to be arranged	Lo. 208 Lo.	

CHEMICAL ENGINEERING

Office, 179, 180 Chemistry Building

<i>Course No.</i>	<i>Hours</i>	<i>Time</i>	<i>Room</i>	<i>Instructor</i>
692	2	Tu., Th. at 10	Ch. 154	
693	2 to 8	Conf. and lab., to be arranged	Ch. 154, 156	
694b	4	Conf., M., W. at 4 Lab., Th., 8 to 6; F., 1 to 6; S., 8 to 1	Ch. 154	
702	3	M., W., F. at 9	Ch. 154	
707	3	Conf., Tu. at 9 Lab., Tu., 10 to 12; Tu., 1 to 5; F., 10 to 12	Ch. 154 Ch. 152	
718	2 to 6	Conf. and lab., to be arranged	Ch. 156	
722	2	Conf., M. at 5 Lab., to be arranged	Ch. 154, 152	
723	5 or 6	Conf., M. at 5 Lab., to be arranged	Ch. 154, 152	
901		To be arranged		
900		To be arranged		
905	2	Tu., Th. at 12	Ch. 154	
950		To be arranged		

CHEMISTRY

Office, 116, 115 Chemistry Building

416	4	L., F., M. at 8 R., W. at 8 Lab., Tu., Th., 8 to 10 M., W., 10 to 12	Ch. 100 Ch. 206 Ch. Ch.	
		L., F., M. at 2 R., W. at 2 Lab., Tu., Th., 1 to 3	Ch. 100 Ch. 206 Ch.	
421	4	L., F. at 8 Lab. open M., Tu., W., Th., F., 8 to 12, 1 to 4; S., 8 to 12	Ch. 402	
422	3 or 4	L., Tu. at 11 Lab. open M., Tu., W., Th., F., 8 to 12, 1 to 4; S., 8 to 12	Ch. 402	
647	3	M., W., F. at 1	Ch. 302	
648	3	M., W., F. at 1	Ch. 100	
649	3	M., W., F., 8 to 11 Tu., Th., S., 8 to 11	Ch.	
650	2 or 3	M., W., F., 8 to 11 Tu., Th., S., 8 to 11	Ch.	
681	3	M., W., F. at 11	Ch. 302	
682	3	M., W., F. at 11	Ch. 100	
683	3	M., W., F. at 11	Ch. 301	
691	2	Lab. open Tu., Th., S., 8 to 12; Tu., Th., 1 to 4		
692	2	Lab. open Tu., Th., S., 8 to 12; Tu., Th., 1 to 4		
693	2	Lab. open Tu., Th., S., 8 to 12; Tu., Th., 1 to 4		

CIVIL ENGINEERING

Office, 107 Brown Hall

401	5	Tu., W., Th., F. at 1 Three-hour field period to be arranged	Br. 12	
402	5	Tu., W., Th., F. at 1 Three-hour field period to be arranged	Br. 109	
404	4	M., 8 to 12; Tu., W., 9 to 12	Br. 110	
411	3	L., Tu., Th., at 10 Lab., S., 8 to 11	E. E. S. 304	
604	5	M., T., W., Th., F. at 9	Br. 109	

CIVIL ENGINEERING—Continued

<i>Course No.</i>	<i>Hours</i>	<i>Time</i>	<i>Room</i>	<i>Instructor</i>
606	3	L., Tu. at 1 Lab., Tu., 2 to 5; W., 1 to 4	E. E. S. 304	
610	5	L., M., Tu., Th., at 1 Lab., Tu., 2 to 5; W., 1 to 4	E. E. S. 304	
703	5	M., Tu., W., Th., F. at 8	Br. 109	
707	2	To be arranged	Br.	
715	5	L., Tu., Th., F. at 9 Lab., M., W., 1 to 4	Br. 12	
717	5	M., Tu., W., Th., F. at 10	Br. 109	
799	3 to 5	To be arranged		

ECONOMICS

Office, 101-A Commerce Building

403	3	M., W., F. at 10	Br. 201
404	3	M., W., F. at 11 M., W., F. at 3	Com. 401 Com. 301

ELECTRICAL ENGINEERING

Office, 171 Robinson Laboratory

461	½	Th. at 4	C. L.
607	4	L., M., W., F. at 9 M., W., F. at 10 Lab., Tu., 1 to 4 Th., 1 to 4	C. L. C. L.
642	4	L., M., W., F. at 10 Tu., Th., S. at 11 Lab., Tu., 2 to 5 Th., 2 to 5 F., 2 to 5 S., 8 to 11	R. L. R. L.
643	4	L., Tu., Th., F. at 11 Lab., Tu., 1 to 4 Th., 1 to 4	R. L.
701	4	L., M., Tu., Th., F. at 8 Lab., Tu., 1 to 4	R. L.
706	3	F., 12:30 to 5:30	R. L.
757	4	To be arranged	R. L.

ENGINEERING DRAWING

Office, 218 Brown Hall

401	4	L., Th. at 10 Lab., M., Tu., W., F., 10 to 12 L., Th. at 1 Lab., M., Tu., W., F., 1 to 3	Br. 201 Br. Br. 201 Br.
403	4	M., Tu., W., F., 8 to 10 M., Tu., W., Th., 1 to 3	Br. 201 Br. 203
421	3	L., Tu. at 9 Lab., Tu., Th., S., 10 to 12 L., Th. at 2 Lab., M., W., Th., 3 to 5 L., W. at 1 Lab., M., W., F., 10 to 12	Br. 104 Br. Br. 201 Br. Br. 201 Br.
424	4	L., Tu., Th. at 3 Lab., M., Th., 9 to 12	Br. 201 Br.
701	3	F., 1 to 4; S., 8 to 11	Br.

ENGLISH

Office, 120 Derby Hall

Course No.	Hours	Time	Room	Instructor
410	3	M., W., F. at 8	D. 301	
		M., W., F. at 10	D. 301	
		M., W., F. at 1	D. 302	
		M., W., F. at 3	D. 301	
411	3	M., W., F. at 9	D. 301	
		M., W., F. at 11	D. 301	
		M., W., F. at 3	D. 302	
412	3	M., W., F. at 8	D. 311	
		M., W., F. at 11	D. 330	
		M., W., F. at 12	D. 330	
419	3	Tu., Th. at 11 ; one conf. hour arranged	D. 330	

FINE ARTS

Office, 104 Hayes Hall

401	2	Tu., Th., 8 to 11	Ha. 207
402	2	Tu., Th., 8 to 11	Ha. 207
405	2	Tu., Th., 9 to 12	Ha. 207
411	3	Tu., Th., 9 to 12	Ha. 207

GEOLOGY

Office, 103, 104 Orton Hall

435	6	L., M., Tu., W., F. at 11 Lab., Th., 3 to 5	O. 1
-----	---	--	------

INDUSTRIAL ENGINEERING

Office, 125 Industrial Engineering Building

405	3	M., W., F., 8 to 10	I. E.
418	3	M., W., F., 8 to 10	I. E.
		Tu., Th., S., 8 to 10	I. E.
		Tu., Th., S., 10 to 12	I. E.
		M., W., F., 10 to 12	I. E.
419	3	Tu., Th., S., 8 to 10	I. E.
		M., W., F., 10 to 12	I. E.
421	3	M., W., F., 8 to 10	I. E.
		Tu., Th., S., 10 to 12	I. E.
441	3	To be arranged	I. E.
599	1	Tu., Th. at 11	I. E.
601	4	M., Tu., W., Th. at 1	I. E.
603	3	M., W., F. at 10	I. E.
641	3	L., M., W. at 2	I. E.
		Lab., F., 2 to 5	I. E.
661	3	Tu., Th., 9 to 11	I. E.
702	3	M., W., F. at 9	I. E.
742	3	L., Tu., Th. at 8 Lab., W., 1 to 4	I. E.
752	3	M., W., 2 to 5	I. E.
762	3	M., W., F. at 1	I. E.

MATHEMATICS

Office, 306 University Hall

431	5	M., Tu., W., Th., F. at 10	U. 312
432	5	M., Tu., W., Th., F. at 10	U. 311
		M., Tu., W., Th., F. at 3	U. 309
433	5	M., Tu., W., Th., F. at 10	Br. 203
		M., Tu., W., Th., F. at 11	U. 309
441	5	M., Tu., W., Th., F. at 9	U. 309, 311
		M., Tu., W., Th., F. at 11	U. 311
		M., Tu., W., Th., F. at 2	U. 308, 309
442	5	M., Tu., W., Th., F. at 9	U. 312
		M., Tu., W., Th., F. at 11	U. 312
		M., Tu., W., Th., F. at 2	U. 310
608	3	M., W., F. at 10	U. 309
611	5	M., Tu., W., Th., F. at 9	U. 308

MECHANICAL ENGINEERING
Office, 247 Robinson Laboratory

<i>Course No.</i>	<i>Hours</i>	<i>Time</i>	<i>Room</i>	<i>Instructor</i>
412	2	Tu., Th. at 1	R. L. 254	
507	4	M., Tu., W., Th. at 8	R. L. 245	
532	2	S., 8 to 12	R. L. 143	
552	4	L., M., W., F. at 9 Lab., Th., 9 to 12	R. L. 143	
568	3	To be arranged		
608	5	M., Tu., W., Th., F. at 8 M., Tu., W., Th., F. at 9	R. L. 244 R. L. 244	
612	4	M., W., F. at 11; Th. at 1	R. L. 244	
613	5	L., M., W., F. at 11 Lab., Tu., Th., 2 to 5	R. L. 250 R. L. 258	
627	5	M., Tu., W., Th., F. at 8 M., Tu., W., Th., F. at 10	R. L. 250 R. L. 250	
652	½	F. at 4	Ch. 100	
664	3	Tu., 11 to 5 Th., 11 to 5	R. L. 152 R. L. 152	
674	4	L., Tu., Th. at 10 Lab., Tu., Th., 1 to 4	R. L. 152	
728	5	L., M., W., F. at 8 Lab., M., W., 1 to 4 W., F., 1 to 4 M., F., 1 to 4	R. L. 254	
742	3	M., W., F. at 9	R. L. 250	
752	½	F. at 4	Ch. 100	
780	3	M., 11 to 5 Tu. at 10 and 1 to 5 W., 11 to 5	R. L. 143 R. L. 143 R. L. 143	

MECHANICS

Office, 205 Industrial Engineering Building

601	5	M., Tu., W., Th., F. at 9	E. E. S. 304
602	5	L., M., Tu., W., Th. at 8 M., Tu., W., Th. at 9 M., Tu., W., Th. at 10 Lab., M., 2 to 4 Tu., 2 to 4 W., 2 to 4 F., 2 to 4 F., 8 to 10	Jour. 125 Jour. 125, 225 Jour. 125
607	3	M., W., F. at 8 M., W., F. at 1	Jour. 225 Jour. 125
610	3	M., W., F. at 10	Jour. 225

METALLURGY

Office, 100 Lord Hall

401	2	L., Tu. at 1 Lab., Tu., 2 to 5	Lo. 107
405	5	L., M., W., F. at 8 Lab., W., 2 to 5; Th., 1 to 4	Lo. 125
452	4	L., Tu., Th. at 1 Lab., Tu., Th., 2 to 5	Lo. 125
605	3	M., W., F. at 11	Lo. 233
650	2	L., F. at 1 Lab., F., 2 to 5	Lo. 125 Lo. 107
651	3	M., W., F. at 9	Lo. 107
701	4	L., Tu., Th. at 9 Lab., W., Th., 1 to 4	Lo. 107 Lo.
705	4	L., Tu., Th. at 11 Lab., to be arranged	Lo. 125
710	3	L., F. at 4 Lab., to be arranged	Lo. 107
713	3	M., W., F. at 8	Lo.
715	3	M., W., F. at 10	Lo. 125
720	3	L., Tu., Th. at 10 Lab., W., Th., 1 to 4	Lo. 107

MILITARY SCIENCE

Office, Armory

Course No.	Hours	Time	Room	Instructor
407	1	M., W., F. at 9 M., W., F. at 11 M., W., F. at 3 M., W., F. at 4	Mil. Science Bldg.	
410	1	M., W., F. at 11 M., W., F. at 3 M., W., F. at 4	Mil. Science Bldg.	
514	3	To be arranged	Mil. Science Bldg.	
442	1	M., W., F. at 10 M., W., F. at 4		
444	1	M., W., F. at 4		
547	3	To be arranged		

MINE ENGINEERING

Office, 219 Lord Hall

501	5	L., M., W., F. at 8 Lab., M., Tu., 1 to 4	Lo. 208
602	3	M., W., F. at 11	Lo. 125
750d	5	L., Tu., Th. at 8 Lab., Tu., Th., 1 to 5	Lo. 208
750e	5	To be arranged	

MINERALOGY

Office, 115 Lord Hall

401	3	L., M., W. at 8 Lab., F., 1 to 3	Lo. 107
402	3	L., Tu., Th. at 8 Lab., Tu., 1 to 3 Th., 1 to 3	Lo. 107
606	3	M., W., F. at 9	Lo. 208

PHOTOGRAPHY

Office, 4 Brown Hall

625	3	L., M., W. at 11 Lab., W., F., 1 to 3	Br. Br. 2
660	3	L., Tu., Th. at 8 Lab., Tu., Th., 9 to 12 L., Tu., Th. at 1 Lab., Tu., Th., 2 to 5	Br. 1 Br. 2 Br. Br. 2

PHYSICAL EDUCATION

Men's Division

Office, 124 Physical Education Building

400	1	Tu. at 1 Tu. at 2	P. E. 37 P. E. 37
401-402-403 1		M., W. at 9 Tu., Th. at 9 M., W. at 10 Tu., Th. at 10 M., W. at 11 Tu., Th. at 11 M., W. at 2 Tu., Th. at 2 M., W. at 3 Tu., Th. at 3 M., W. at 4 Tu., Th. at 4	P. E. Gym P. E. Gym P. E. Gym P. E. Gym P. E. Gym P. E. Gym P. E. Gym P. E. Gym P. E. Gym P. E. Gym P. E. Gym P. E. Gym

PHYSICS

Office, 107 Mendenhall Laboratory

<i>Course No.</i>	<i>Hours</i>	<i>Time</i>	<i>Room</i>	<i>Instructor</i>
431	5	L., Th. at 8	M. L. 200	
		Th. at 10	M. L. 200	
		Th. at 1	M. L. 200	
		R., M., W., F. at 8	M. L. 211	
		M., W., F. at 10	M. L. 211, 212	
		M., W., F. at 1	M. L. 211	
		Lab., M., 1 to 3	M. L. 100	
		Tu., 8 to 10	M. L. 100	
		Tu., 10 to 12	M. L. 100	
		W., 1 to 3	M. L. 100	
		F., 10 to 12	M. L. 100	
		F., 3 to 5	M. L. 100	
		432	5	L., F. at 10
F. at 3	M. L. 200			
R., M., W., Th. at 10	M. L. 210			
M., W., Th. at 3	M. L. 210, 212			
Lab., M., 10 to 12	M. L. 100			
Tu., 3 to 5	M. L. 100			
Th., 8 to 10	M. L. 100			
Th., 10 to 12	M. L. 100			
435	4	F., 1 to 3	M. L. 100	
		L., M., W., F. at 11	M. L. 205	
		Lab., Tu., 10 to 12	M. L. 1	
436	5	W., 1 to 3	M. L. 1	
		L., M., W., F. at 9	M. L. 205	
600		Lab., Tu., Th., 1 to 3	M. L. 1	
		Tu., Th., 3 to 5	M. L. 1	
616	3	To be arranged	M. L. 110	
		M., W., 1 to 4	M. L. 110	

ENGINEERING SURVEY

1	Th. at 11	U. Chapel
---	-----------	-----------